UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **BAN DÂN TỘC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 Số: /BC-BDT *Bình Phước, ngày tháng năm 2024*

 **(DỰ THẢO)**

**BÁO CÁO**

**Tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội**

**vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

*(Báo cáo phục vụ Hội nghị giao ban công tác dân tộc Quý I năm 2024)*

**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

**1. Công tác tham mưu chỉ đạo thực hiện**

Ban Dân tộc tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh, đảm bảo yêu cầu theo quy định[[1]](#footnote-1).

**2. Kế hoạch phân bổ và tiến độ giải ngân nguồn vốn**

**2.1. Kế hoạch nguồn vốn phân bổ**

- Tổng kế hoạch nguồn vốn năm 2022, năm 2023: 545.703 triệu đồng (vốn ĐTPT 410.210 triệu đồng; vốn SN 135.493 triệu đồng). Trong đó, NSTW 476.335 triệu đồng (ĐTPT 358.022 triệu đồng; SN 118.313 triệu đồng); NS tỉnh 49.768 triệu đồng (ĐTPT 36.000 triệu đồng; SN 13.768 triệu đồng); NS huyện 19.600,7 triệu đồng (ĐTPT: 16.188,2; triệu đồng; SN: 3.412,5 triệu đồng).

*+ Năm 2022:* Tổng kinh phí phân bổ 224.521,3 triệu đồng, gồm: NSTW 195.713 triệu đồng (vốn ĐTPT 156.060 triệu đồng; vốn SN 39.653 triệu đồng); NS tỉnh 20.891 triệu đồng (vốn ĐTPT 16.000 triệu đồng; vốn SN 4.891 triệu đồng); NS huyện 7.917,3 triệu đồng (ĐTPT: 6.849.3 triệu đồng, SN: 1.068 triệu đồng).

*+ Năm 2023:* Tổng kinh phí theo kế hoạch 330.773 triệu đồng, gồm: NSTW 300.881 triệu đồng (vốn ĐTPT 201.962 triệu đồng; vốn SN 98.919 triệu đồng); NS tỉnh 29.892 triệu đồng (vốn ĐTPT 20.000 triệu đồng; vốn SN 9.892 triệu đồng).

 *Kế hoạch kinh phí đã phân bổ*: 321.182,4 triệu đồng, gồm: NSTW 280.622 triệu đồng (vốn ĐTPT 201.962 triệu đồng; vốn SN 78.660 triệu đồng); NS tỉnh 28.877 triệu đồng (vốn ĐTPT 20.000 triệu đồng; vốn SN 8.877 triệu đồng); NS huyện 11.683,4 triệu đồng (ĐTPT: 9.338,9 triệu đồng; SN: 2.344,5 triệu đồng).

 *Nguồn kinh phí chưa phân bổ:* 21.274 triệu đồng vốn sự nghiệp, gồm: NSTW 20.259 triệu đồng; NS tỉnh 1.015 triệu đồng.

*-* Tổng kế hoạch nguồn vốn năm 2024 là 296.423 triệu đồng (ĐTPT 207.432 triệu đồng; SN 88.990 triệu đồng). Trong đó, NSTW 265.815 triệu đồng (vốn ĐTPT 188.432 triệu đồng; vốn SN 77.383 triệu đồng); NS tỉnh đối ứng: 30.607 triệu đồng (vốn ĐTPT 10%: 19.000 triệu đồng; vốn SN 15%: 11.607 triệu đồng). Hiện nay, UBND tỉnh đang triển khai thực hiện lấy ý kiến của Thành viên UBND tỉnh trước khi ban hành kế hoạch; thời gian thực hiện lấy ý kiến đến ngày 17/4/2024.

**2.2. Tiến độ thực hiện giải ngân**

*a) Tiến độ thực hiện giải ngân chung*

Kết quả giải ngân đến ngày 15/4/2024: 358.256 triệu đồng, đạt tỷ lệ 66%; trong đó: nguồn ĐTPT 315.102 triệu đồng, tỷ lệ đạt 76,81%; nguồn sự nghiệp 43.154 triệu đồng, tỷ lệ đạt 31,81%. Nguồn vốn vay Ngân hàng chính sách xã hội đã giải ngân cho vay 18.700 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%.

*- Năm 2022:* Lũy kế giải ngân đến ngày 15/4/2024: 178.765 triệu đồng, đạt 77,72% kế hoạch; trong đó: nguồn ĐTPT 158.293 triệu đồng, tỷ lệ đạt 85,3%; nguồn sự nghiệp 21.886 triệu đồng, tỷ lệ đạt 48%. Nguồn vốn vay Ngân hàng chính sách xã hội đã giải ngân cho vay 12.900 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%.

*- Năm 2023:* Lũy kế giải ngân đến ngày 15/4/2024: 178.077 triệu đồng, đạt 44,69% kế hoạch vốn phân bổ; trong đó: nguồn ĐTPT 156.809 triệu đồng, tỷ lệ đạt 67,8%; nguồn sự nghiệp 21.268 triệu đồng, tỷ lệ đạt 23,6%. Nguồn vốn vay chính sách xã hội đã giải ngân cho vay 5.800 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%.

*b) Tiến độ thực hiện giải ngân theo dự án*

**Dự án 1:** Kế hoạch kinh phí phân bổ 89.973 triệu đồng. Lũy kế giải ngân 57.535 triệu đồng, đạt tỷ lệ 63,9% kế hoạch.

**Dự án 2:** Kế hoạch kinh phí phân bổ 196.385 triệu đồng. Lũy kế giải ngân 145.341 triệu đồng, đạt tỷ lệ 74% kế hoạch.

**Dự án 3:** Kế hoạch kinh phí phân bổ 33.214 triệu đồng. Lũy kế giải ngân 14.903,82 triệu đồng, đạt tỷ lệ 44,9% kế hoạch.

**Dự án 4:** Kế hoạch kinh phí phân bổ 121.085 triệu đồng. Lũy kế giải ngân 99.800 triệu đồng, đạt tỷ lệ 82,4% kế hoạch.

**Dự án 5:** Kế hoạch kinh phí phân bổ 53.038 triệu đồng. Lũy kế giải ngân 17.730 triệu đồng, đạt tỷ lệ 33,4% kế hoạch.

**Dự án 6:** Kế hoạch kinh phí phân bổ 21.079 triệu đồng. Lũy kế giải ngân 13.304 triệu đồng, đạt tỷ lệ 63,1% kế hoạch.

**Dự án 7:** Kế hoạch kinh phí phân bổ 4.021 triệu đồng. Lũy kế giải ngân 1.354,86 triệu đồng, đạt tỷ lệ 33,7% kế hoạch.

**Dự án 8:** Kế hoạch kinh phí phân bổ 4.563 triệu đồng. Lũy kế giải ngân 2.257,84 triệu đồng, đạt tỷ lệ 49,48% kế hoạch.

**Dự án 9:** Kế hoạch kinh phí phân bổ 11.100 triệu đồng. Lũy kế giải ngân 2.247,19 triệu đồng, đạt tỷ lệ 20,2% kế hoạch.

**Dự án 10:** Kế hoạch kinh phí phân bổ 11.244 triệu đồng. Lũy kế giải ngân 3.781,2 triệu đồng, đạt tỷ lệ 33,6% kế hoạch.

*(Kèm theo biểu tổng hợp chi tiết)*

*c) Tiến độ thực hiện giải ngân theo đơn vị:*

- Huyện Lộc Ninh: Kế hoạch vốn 205.549 triệu đồng; lũy kế giải ngân 113.155 triệu đồng, đạt 55%. Trong đó, năm 2022 đạt 80%, năm 2023 đạt 61%.

- Huyện Bù Đăng: Kế hoạch vốn 73.738 triệu đồng; lũy kế giải ngân 53.388 triệu đồng, đạt 72%. Trong đó, năm 2022 đạt 97%, năm 2023 đạt 66%.

- Huyện Bù Đốp: Kế hoạch vốn 31.437 triệu đồng; lũy kế giải ngân 15.021 triệu đồng, đạt 48%. Trong đó, năm 2022 đạt 35%, năm 2023 đạt 56%.

- Huyện Bù Gia Mập: Kế hoạch vốn 154.286 triệu đồng; lũy kế giải ngân 136.872 triệu đồng, đạt 89%. Trong đó, năm 2022 đạt 96%, năm 2023 đạt 87%.

- Huyện Phú Riềng: Kế hoạch vốn 6.739 triệu đồng; lũy kế giải ngân 1.808 triệu đồng, đạt 27%. Trong đó, năm 2022 đạt 57%, năm 2023 đạt 14%.

- Huyện Đồng Phú: Kế hoạch vốn 8.506 triệu đồng; lũy kế giải ngân 3.828 triệu đồng, đạt 45%. Trong đó, năm 2022 đạt 28%, năm 2023 đạt 51%.

- Huyện Hớn Quản: Kế hoạch vốn 12.833 triệu đồng; lũy kế giải ngân 9.700 triệu đồng, đạt 76%. Trong đó, năm 2022 đạt 90%, năm 2023 đạt 64%.

- Thị xã Bình Long: Kế hoạch vốn 5.092 triệu đồng; lũy kế giải ngân 1.220 triệu đồng, đạt 24%. Trong đó, năm 2022 đạt 16%, năm 2023 đạt 31%.

- Thị xã Chơn Thành: Kế hoạch vốn 135 triệu đồng; lũy kế giải ngân 135 triệu đồng, đạt 100%.

- Sở Lao động, TBXH: Kế hoạch vốn 6.559 triệu đồng; lũy kế giải ngân 372 triệu đồng, đạt 6%.

- Hội LHPN tỉnh: Kế hoạch vốn 2.067 triệu đồng; lũy kế giải ngân 1.575 triệu đồng, đạt 76%.

- Sở Thông tin và Truyền thông: Kế hoạch vốn 2.468 triệu đồng; lũy kế giải ngân 157 triệu đồng, đạt 6%.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Kế hoạch vốn 3.516 triệu đồng; lũy kế giải ngân 1.493 triệu đồng, đạt 42%.

- Sở Y tế: Kế hoạch vốn 1.462 triệu đồng; lũy kế giải ngân 735 triệu đồng, đạt 50,28%.

- Sở Nông nghiệp & PTNT: Kế hoạch vốn 3.088 triệu đồng; lũy kế giải ngân 3.088 triệu đồng, đạt 100%.

- Ban quản lý VQG Bù Gia Mập: Kế hoạch vốn 11.541 triệu đồng; lũy kế giải ngân 11.541 triệu đồng, đạt 100%.

- Ban Dân tộc: Kế hoạch vốn 14.001 triệu đồng; lũy kế giải ngân 3.658 triệu đồng, đạt 26%.

- Liên minh Hợp tác xã tỉnh: Kế hoạch vốn 2.214 triệu đồng; lũy kế giải ngân 98 triệu đồng, đạt 04%.

- Hội Nông dân tỉnh: Kế hoạch vốn 422 triệu đồng; lũy kế giải ngân 413 triệu đồng, đạt 98%.

- Tỉnh đoàn: Kế hoạch vốn 51 triệu đồng; lũy kế giải ngân 0 triệu đồng, đạt 0% (đang chờ UBND tỉnh bổ sung danh mục chi tiết tên công trình để Sở Tài chính thực hiện nhập mã TABMIS để có nguồn vốn thực hiện giải ngân)

*(Kèm theo biểu tổng hợp chi tiết)*

**3. Đánh giá việc triển khai thực hiện Chương trình**

*a) Kết quả đạt được:*

- Giảm 1.344 hộ nghèo DTTS năm 2023.

- Dự án 1: Hỗ trợ đất ở cho 55 hộ; hỗ trợ nhà ở cho 834 hộ (xây mới 565 hộ, sửa nhà 270 hộ); Hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề, sinh kế, giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS; Xây dựng 07 công trình giếng nước sinh hoạt tập trung.

- Dự án 2: Thực hiện 05/8 dự án quy hoạch, bố trí, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn, biên giới và những nơi cần thiết (còn 03 dự án trên địa bàn 03 xã (xã Lộc Thịnh, xã Lộc Tấn và xã Lộc An, huyện Lộc Ninh) đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, hiện đang chờ ý kiến, hướng dẫn của Trung ương).

- Dự án 3: Hỗ trợ giao khoán bảo vệ 29.884,55 ha rừng mỗi năm (Vườn
quốc gia Bù Gia Mập và Sở Nông nghiệp và PTNT); Hỗ trợ phát triển sản xuất
theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng DTTS&MN. Hiện dự án đang chờ Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, xây dựng trên 60 km đường giao
thông nông thôn (trải nhựa và bê tông xi măng), cải tạo, nâng cấp một số nhà văn
hóa và trạm y tế; xây dựng 01 chợ trên địa bàn xã biên giới.

- Dự án 5: Xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học
cho 06 trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông bán trú vùng DTTS&MN; Hỗ
trợ 08 lớp xóa mù chữ cho người dân vùng DTTS; bồi dưỡng kiến thức dân tộc
cho 1.600 CBCC và 04 lớp đào tạo tiếng dân tộc Khmer cho 200 CBCC thuộc đối
tượng 3, 4 theo quy định tại Quyết định 771/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;
Ðào tạo nghề cho 500 người DTTS và hộ dân tộc Kinh nghèo, cận nghèo ở xã đặc
biệt khó khăn; Đào tạo nâng cao năng lực cho 1.300 người đại diện cho cộng đồng dân cư và cán bộ triển khai Chương trình ở cấp huyện và cấp xã.

- Dự án 6: Đầu tư trang thiết bị 20 nhà văn hóa - Khu thể thao tại các thôn,
ấp; Hỗ trợ chống xuống cấp 01 di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị
tiêu biểu vùng DTTS&MN; xây dựng 47 thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn,
ấp vùng DTTS&MN; Hỗ trợ xây dựng 01 điểm đến du lịch tiêu biểu thuộc vùng
DTTS&MN; Công trình nâng cấp, cải tạo Nhà văn hóa ấp Lồ Ô - Trà Thanh, xã Thanh An, huyện Hớn Quản.

- Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người
DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em vùng đồng bào DTTS và MN.

- Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vần đề cấp thiết đối với Phụ nữ và trẻ em tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.

- Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn
nhiều khó khăn; giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong
vùng đồng bào DTTS và MN; trợ giúp pháp lý cho người DTTS.

- Dự án 10: Hỗ trợ truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng
bào DTTS và MN; Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương
trình MTQG 1719 theo quy định.

*b) Những khó khăn vướng mắc:*

- Tiến độ xây dựng kế hoạch thực hiện trong năm 2024 còn chậm: Ban Dân tộc đã có văn bản đôn đốc các đơn vị, địa phương phối hợp đề xuất danh mục thực hiện trong năm 2024. Tuy nhiên một số đơn vị, địa phương chậm gửi văn bản đề xuất danh mục công trình, dự án; việc đề xuất danh mục công trình dự án thực hiện chủ yếu tập trung vào việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, không đăng ký nhu cầu thực hiện đối với các nội dung sử dụng vốn sự nghiệp, nội dung có liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị, khó thực hiện, nên Ban Dân tộc phải thành lập đoàn công tác tiến hành làm việc, kiểm tra thực tế các danh mục do đơn vị địa phương đề xuất để hướng dẫn, đề nghị các địa phương có sự điều chỉnh cho phù hợp.

- Việc tổng hợp, tham mưu phân bổ nguồn vốn còn gặp nhiều khó khăn:

+ Nguồn vốn năm 2023:Còn 21.274 triệu đồng (NSTW 20.259 triệu đồng; NS tỉnh 1.015 triệu đồng) vốn sự nghiệp Dư án 5, chưa phân bổ.

+ Nguồn vốn năm 2024: Còn 50.690 triệu đồng vốn sự nghiệp chưa tổng hợp phân bổ được do các đơn vị, địa phương đăng ký vốn ít, do đối tượng, địa bàn thực hiện chính sách bị thu hẹp (xã về đích nông thôn mới, số hộ nghèo còn ít, nhu cầu học nghề của người dân ít...).

- Quá trình xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình kéo dài dẫn đến đối tượng, địa bàn thụ hưởng bị thu hẹp: Việc thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch để đăng ký nhu cầu thực hiện Chương trình với trung ương được thực hiện từ đầu năm 2020, đến gần cuối năm 2022 tỉnh mới phân bổ vốn cho các đơn vị, địa phương thực hiện nên một đối tượng đã thoát nghèo qua các chính sách hỗ trợ giảm nghèo của tỉnh; một số xã thụ hưởng Chương trình đã về đích nông thôn mới nên đối tượng, địa bàn thực hiện Chương trình bị giảm so với kế hoạch đăng ký ban đầu, dẫn đến không phân bổ được hết kế hoạch nguồn vốn hoặc vốn phân bổ không thực hiện giải ngân được.

- Hệ thống văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình còn chưa đầy đủ, chồng chéo, không phù hợp với tình hình thực tế của địa phương nên không triển khai thực hiện giải ngân ngân được nguồn vốn theo quy định.

*c) Nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc*

- Một bộ phận hộ đồng bào DTTS sinh sống ở các xã, thôn đặc biệt biệt khó khăn; địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN trong giai đoạn 2021-2025 đã đạt chuẩn nông thôn mới, theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ là xã khu vực I nên không còn được hưởng các chính sách hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước.

- Chương trình mới, có nội dung rộng, quy mô lớn, liên quan đến nhiều lĩnh vực thuộc thẩm quyền trách nhiệm quản lý của nhiều ngành nên phát sinh những vấn đề về quy định, nội dung hướng dẫn của Trung ương đang trong quá trình hoàn thiện cơ chế chính sách. Hiện nay, còn thiếu sự đồng bộ và chưa đầy đủ hướng dẫn thực hiện cụ thể đối với cơ chế lồng ghép nguồn lực, phân cấp, phân quyền trong quy định thực hiện Chương trình của Trung ương nên tỉnh gặp lúng túng, vướng mắc trong thực tiễn triển khai thực hiện Chương trình.

+ Dự án 1: Định mức hỗ trợ của Chương trình thấp hơn Chương trình giảm 1000 hộ nghèo DTTS của tỉnh đang thực hiện, nên khó khăn trong triển khai thực hiện: xây nhà ở (quy định 40 triệu đồng/căn, tỉnh đang thực hiện 86 triệu đồng/căn), sửa chữa nhà ở (quy định 20 triệu đồng/căn, tỉnh đang thực hiện 30 triệu đồng/căn), chuyển đổi nghề (quy định 10 triệu đồng/hộ, tỉnh thực hiện hỗ trợ con giống 40 triệu đồng/hộ, mua nông cụ 10 triệu đồng/hộ, hỗ trợ xe máy 20 triệu đồng/hộ),…

+ Dự án 2: Tỉnh được phê duyệt 08 dự án, có 03 dự án nằm trên địa bàn 03 xã biên giới: Lộc Thịnh, Lộc Tấn và Lộc An, huyện Lộc Ninh. Hiện nay, 03 xã này đã về đích nông thôn mới nên gặp khó khăn trong phân bổ nguồn vốn thực hiện.

+ Tiểu Dự án 2, Dự án 3: quy định đối tượng thụ hưởng là các hộ nghèo, cận nghèo; trong khi tham gia phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị đòi hỏi có vùng nguyên liệu, đồng bộ chất lượng sản phẩm sau thu hoạch (người dân tham gia chuỗi liên kết phải có tư liệu sản xuất, có trình độ sản xuất và ít nhất phải có đất sản xuất). Qua khảo sát thực tế 07 xã trên địa bàn 2 huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng: 60-70% hộ nghèo và cận nghèo không có đất sản xuất, số hộ có đất thì diện tích rất ít, phân tán nhỏ lẻ nên không thực hiện liên kết được chuỗi giá trị.

+ Tiểu dự án 1, Dự án 5: tỉnh có 06/07 Trường Dân tộc nội trú không nằm trên địa bàn vùng DTTS và miền núi, nên gặp khó khăn trong phân bổ nguồn vốn thực hiện. Mặc dù các trường này thực hiện nhiệm vụ đào tạo con em học sinh DTTS ở các xã thuộc vùng DTTS và miền núi và hệ thống cơ sở vật chất: nhà ăn, các phòng học chức năng, phòng công vụ, sân trường,… chưa đảm bảo nên thầy và trò ở các trường này rất khó khăn trong việc dạy và học.

+ Tiểu dự án 2, Dự án 5: Quy định việc cấp chứng chỉ cho các đối tượng tham gia bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30/4/2023 của Bộ Nội vụ (thời gian bồi dưỡng chỉ 05 ngày) nên gặp khó khăn trong triển khai thực hiện; mặt khác, công tác bồi dưỡng tiếng Khmer, theo quy định tỉnh thẩm định 138,25 triệu đồng/lớp (50 học viên), thực tế Trường Đại học Trà Vinh thực hiện 300 triệu đồng/lớp (50 học viên) nên không thực hiện được.

+ Tiểu dự án 3, Dự án 5: Đối tượng tham gia đào tạo nghề, giải quyết việc làm rất hạn chế so với kế hoạch đăng ký ban đầu; nên khó khăn trong việc chiêu sinh mở lớp đào tạo nghề giải quyết việc làm cho người DTTS, do người lao động chủ động tự tìm việc làm, trực tiếp ký kết hợp đồng với công ty, xí nghiệp,... qua đó người lao động được học nghề và tuyển dụng giải quyết việc làm.

+ Tiểu Dự án 1, Dự án 9: Trung ương chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách nên chưa triển khai thực hiện được.

+ Tiểu Dự án 2, Dự án 10: Trung ương chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN nên chưa triển khai thực hiện được.

- Cơ quan được giao chủ trì, thực hiện các nội dung, tiểu dự án, dự án thuộc Chương trình có sự tham gia của nhiều đơn vị, địa phương; quá trình phối hợp thực hiện hoàn thiện văn bản triển khai thực hiện Chương trình nhiều bước, quy trình, thủ tục theo quy định, dẫn đến sự chậm trễ nhất định tiến độ thực hiện Chương trình.

- Quá trình xây dựng triển khai thực hiện Chương trình bị kéo dài, dẫn đến tính chính xác của nhiều thông tin, số liệu được rà soát, đề xuất nhu cầu thực hiện các chính sách cho đến khi triển khai thực hiện thực tiễn không còn phù hợp (nhất là số liệu liên quan đến hộ nghèo, hộ cận nghèo); dẫn đến thay đổi nhu cầu đầu tư theo đối tượng, nội dung, địa bàn tại thời điểm triển khai so với thời điểm đề xuất nhu cầu kế hoạch.

- Bộ máy, biên chế của Cơ quan làm công tác Dân tộc còn ít, nhất là ở cấp huyện nên ảnh hưởng đến việc tham mưu cho Cấp ủy, chính quyền gặp khó khăn dẫn đến công tác phối hợp triển khai thực hiện Chương trình còn chưa tốt, nhất là trong việc thực hiện chế độ báo cáo, đề xuất nhu cầu, góp ý dự thảo văn bản,… ở cấp huyện gửi cho Ban Dân tộc (cơ quan thường trực Chương trình MTQG 1719) còn chậm nên tiến độ thực hiện nhiệm vụ chung của tỉnh bị chậm tiến độ được giao.

**II. TIẾN ĐỘ THAM MƯU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2024**

Nhằm tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Chương trình MTQG 1719) năm 2024 trên địa bàn tỉnh; ngày 20/10/2023, Ban Dân tộc đã có Công văn số 602/BDT-CSDT đề nghị các đơn vị, địa phương phối hợp báo cáo ước kết quả thực hiện hết năm 2023, đăng ký nhu cầu kế hoạch nguồn vốn năm 2024, năm 2025 thực hiện các nội dung, dự án Chương trình mục MTQG 1719.

Trên cơ sở tổng hợp danh mục đăng ký nhu cầu kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG 1719 năm 2024 của các đơn vị, địa phương; ngày 25/01/2024, Ban Dân tộc đã làm việc trực tiếp với UBND các huyện, thị xã Bình Long để rà soát, thống nhất danh mục, nội dung thực hiện Chương trình MTQG 1719 năm 2024 của các địa phương. Đồng thời, từ ngày 27/02/2024 đến ngày 01/3/2024, Ban Dân tộc đã tiến hành kiểm tra thực tế các danh mục công trình đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn các huyện: Bù Đăng, Bù Gia Mập, Lộc Ninh, Phú Riềng và Đồng Phú. Sau đó, Ban Dân tộc đã xây dựng hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG 1719 năm 2024 trên địa bàn tỉnh và triển khai thực hiện lấy ý kiến của các đơn vị, địa phương liên quan tại Công văn số 109/BDT-CSDT ngày 06/3/2024; thời gian lấy ý kiến đến hết ngày 14/3/2024. Kết quả, Ban Dân tộc nhận được ý kiến góp ý của 26 đơn vị; trong đó, có 07 đơn vị góp ý thống nhất với dự thảo văn bản, 19 đơn vị có ý kiến góp ý đối với dự thảo văn bản; Ban Dân tộc đã thực hiện tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch theo quy định.

Ngày 18/3/2024, Ban Dân tộc đã có Tờ trình số 20/TTr-BDT trình UBND tỉnh xem xét, ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2024. Ngày 19/3/2024, UBND tỉnh ban hành Công văn số 992/UBND-KGVX; trong đó, UBND tỉnh giao Ban Dân tộc giải trình về nguốn vốn sự nghiệp năm 2024 chưa tham mưu phân bổ hết (50.960 triệu đồng); lấy ý kiến lại Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư về bộ dự thảo Kế hoạch và nội dung giải trình. Ngày 20/3/2024, Ban Dân tộc có Công văn số 152/BDT-CSDT gửi lấy ý kiến lại Sở KHĐT, Sở Tài chính.

Kết quả, Ban Dân tộc nhận được ý kiến góp ý của Sở Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 695/SKHĐT-ĐT ngày 26/3/2024); Sở Tài chính (Công văn số 768/STC-HCSN ngày 20/3/2024, Công văn số 832/STC-HCSN, ngày 25/3/2024, Công văn số 878/STC-HCSN, ngày 28/3/2024). Ngày 28/3/2024, Ban Dân tộc có Công văn số 178/BDT-CSDT báo cáo UBND tỉnh kết quả rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Kế hoạch, đề nghị UBND tỉnh xem xét, ban hành kế hoạch.

Ngày 01/4/2024, UBND tỉnh ban hành Công văn số 1175/UBND-KGVX đề nghị Ban Dân tộc giải trình rõ phương án xử lý đối với nguốn vốn sự nghiệp chưa có nội dung phân bổ (50.690 triệu đồng) và giải trình nội dung bổ sung kế hoạch năm 2023 là 4.422 hatại Tiểu dự án 1, Dự án 3 của Sở NN&PTNT. Ngày 01/4/2024, Ban Dân tộc có Công văn số 195/BDT-CSDT gửi lấy ý kiến của Sở Tài chính; ngày 03/4/2024, Sở Tài chính có Công văn số 944/STC-HCSN, có ý kiến không đồng ý bổ sung kế hoạch năm 2023 là 4.422 hatại Tiểu dự án 1, Dự án 3 của Sở NN&PTNT.

Ngày 03/4/2024, Ban Dân tộc có Công văn số 201/BDT-CSDT báo cáo UBND tỉnh việc tiếp tục thực hiện hoàn chỉnh hồ sơ, đề nghị UBND tỉnh xem xét, ban hành kế hoạch; qua trao đổi, thống nhất với Văn phòng UBND tỉnh, ngày 08/4/2024, Ban Dân tộc tiếp tục có Công văn số 209/BDT-CSDT và ngày 10/4/2024, Văn phòng UBND tỉnh có Công văn số 883/VPUBND-KGVX gửi lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh đối với dự thảo kế hoạch; thời gian thực hiện đến ngày 17/4/2024. Sau khi có ý kiến góp ý của Thành viên UBND tỉnh, Ban Dân tộc tiếp tục phối hợp tham mưu hoàn chỉnh kế hoạch, trình UBND tỉnh xem xét, ban hành kế hoạch để triển khai thực hiện.

**III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN THỜI GIAN TỚI**

- Tham mưu ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình năm 2024 và chỉ đạo triển khai thực hiện, giải ngân nguồn vốn Chương trình theo văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình của Trung ương theo quy định; đôn đốc, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Chương trình.

- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu rà soát phân bổ 21.274 triệu đồng vốn sự nghiệp năm 2023 để triển khai thực hiện trong năm 2024. Trao đổi, thống nhất với các ngành, địa phương để tham mưu giải pháp phân bổ, sử dụng 34.603 triệu đồng vốn sự nghiệp được giao năm 2024.

- Tăng cường thực hiện theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình để nắm bắt kịp thời những khó khăn, vướng mắc nhằm có biện pháp tháo gỡ kịp thời cho các đơn vị triển khai thực hiện; chỉ đạo các sở, ngành tăng cường hướng dẫn thực hiện các Thông tư, văn bản của Bộ, ngành Trung ương theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 619/UBND-KGVX ngày 28/02/2023 về tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường trách nhiệm Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân nguồn vốn phân bổ; chỉ đạo theo dõi tiến độ thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn hoặc báo cáo, đề xuất cấp thẩm quyền tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để đầy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình.

**IV. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ:**

**1. Đối với Ủy ban Dân tộc và các bộ ngành trung ương**

#### - Tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 để điều chỉnh, bổ sung những nội dung còn bắt cập trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tham mưu điều chỉnh, bổ sung danh sách xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Phước; điều chỉnh bất cập về địa bàn xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN đã về đích nông thôn mới theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc.

#### - Tham mưu thực hiện điều chỉnh, bổ sung các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình của địa phương.

#### - Ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình MTQG để các địa phương triển khai thực hiện.

**2. Đối với địa phương:**

- Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm thực hiện cũng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế Cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh, cấp huyện đảm bảo đáp ứng nhu cầu tham mưu thực hiện tốt Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Đối với các sở, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND cấp huyện tăng cường công tác phối hợp triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ công tác dân tộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao để góp phần thực hiện tốt Chương trình trên địa bàn tỉnh. Thực tế thời gian qua, công tác phối hợp thực hiện chưa tốt như: thực hiện chế độ báo cáo định kỳ; phối hợp rà soát đề xuất nhu cầu thực hiện, cung cấp thông tin liên quan đến thực hiện chương trình; tham gia góp ý các dự thảo văn bản;… nhất là cấp huyện, phối hợp thực hiện rất hạn chế, đa số chưa tham gia thực hiện hoặc tham gia rất chậm, nhiều địa phương thực hiện chậm hàng tháng so với thời gian quy định./.

1. - Tỉnh ủy: Kết luận số 380-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN giai đoạn 2021-2030.

 - HĐND tỉnh: Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12/7/2021 về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022; Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình; Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số nội dung thuộc Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12/7/2021.

 - UBND tỉnh: Năm 2022: Kế hoạch số 271/KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết Kế hoạch vốn Chương trình năm 2022; Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chi tiết Kế hoạch vốn Chương trình năm 2022; Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của UBND tỉnh về phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình năm 2022 (đợt 1); Công văn số 2999/UBND-KGVX ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh về việc bổ sung phụ lục Kế hoạch Chương trình MTQG dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2022; Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình năm 2022 (đợt 2); Quyết định số 2394/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình năm 2022 (Đợt 2).

Năm 2023: Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hộivùng đồng bào DTTS&MNnăm 2022 và năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch 131/KH-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1014/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh về việc kế hoạch điều chỉnh vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN năm 2023; Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023; Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN năm 2023 (đợt 1); Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN năm 2023 (đợt 2); Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN năm 2023 (đợt 3); Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN trên địa bàn tỉnh năm 2023 (đợt 2); Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN trên địa bàn tỉnh năm 2023 (đợt 3); Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN trên địa bàn tỉnh năm 2023 (đợt 4); Công văn số 619/UBND-KGVX ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN trên địa bàn tỉnh; Công văn số 624/UBND-KGVX ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh về việc giải quyết vướng mắc trong thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN (tổ chức họp giao ban trực tuyến về tiến độ thực hiện Chương trình). [↑](#footnote-ref-1)